

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/NQ-HĐND

Buôn Ma Thuột, ngày 10 tháng 12 năm 2010

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,
đảm bảo an ninh - quốc phòng tỉnh Đắk Lắk 5 năm 2011-2015

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Chỉ thị số 751/CT-TTg, ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015;

Xét Tờ trình số 109/TTr-UBND, ngày 08 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng tỉnh Đắk Lắk 5 năm 2011-2015; Báo cáo thẩm tra số 64/BC-HĐND, ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Ban Kinh tế và Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành, thông qua mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng tỉnh Đắk Lắk 5 năm 2011-2015, như sau:

I. Mục tiêu tổng quát:

Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ, tăng tính bền vững trong phát triển; đổi mới mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nâng cao rõ rệt chất lượng giáo dục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và y tế, văn hóa, thể dục thể thao. Kết hợp giữa phát triển kinh tế với bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, phát huy sức mạnh đoàn kết các dân tộc, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, bảo đảm quốc phòng an ninh để từng bước xây dựng tỉnh Đắk Lắk trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội của vùng Tây Nguyên, một cực phát triển trong tam giác phát triển Việt Nam-Lào-Campuchia.

II. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2015:

(1) Tăng trưởng và cơ cấu kinh tế:

- *Tăng trưởng GDP (giá so sánh 1994) giai đoạn 2011-2015 bình quân hàng năm từ 14-15%. Trong đó nông, lâm, ngư nghiệp tăng 5-6%; công nghiệp và xây*

dựng tăng 23-24%, dịch vụ tăng 20-21%. Quy mô nền kinh tế (GDP) năm 2015 gấp 1,9 - 2 lần so với năm 2010.

- *Cơ cấu kinh tế năm 2015*: Nông-lâm-ngư nghiệp chiếm 32-33%; công nghiệp, xây dựng 25-26%; thương mại, dịch vụ 41-42%.

- *Thu nhập bình quân đầu người* năm 2015 đạt 1.780 - 1.790 USD (tính theo giá so sánh năm 1994), từ 34 - 34,5 triệu đồng (tính theo giá hiện hành).

(2) *Phát triển cơ sở hạ tầng*:

- *Thủy lợi*: Đảm bảo tưới chủ động cho trên 75% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới.

- *Giao thông*: Cải tạo, nâng cấp nhựa hoặc bê tông hoá 100% đường tỉnh lộ, 80% đường huyện; 50% đường xã, liên xã và 100% xã có đường nhựa đến trung tâm.

- *Điện*: 100% thôn, buôn có điện, 99% số hộ được dùng điện. Mức tiêu thụ điện bình quân khoảng 945 kwh/người/năm.

- *Thông tin*: Tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng để đảm bảo 100% số xã có hệ thống thông tin thông suốt, 130 máy điện thoại và 15 thuê bao internet/100 người dân.

- *Nhà ở*: Diện tích nhà ở bình quân đầu người vào năm 2015 đối với khu vực nông thôn đạt 16 m² sàn/người, khu vực thành thị đạt 20 m² sàn/người; phấn đấu giải quyết 60% số sinh viên, học sinh có nhu cầu được thuê nhà ở tại các dự án nhà ở trên địa bàn tỉnh.

(3) *Độ che phủ của rừng* (tính cả cây cao su) đạt 52% diện tích tự nhiên.

(4) *Thu cân đối ngân sách trên địa bàn* bình quân hàng năm bằng 11% GDP (theo giá hiện hành).

(5) *Tổng kim ngạch xuất khẩu* trong 5 năm 2011-2015 đạt 4.000 triệu USD, nhập khẩu đạt trên 200 triệu USD.

(6) *Huy động đầu tư toàn xã hội* cả thời kỳ khoảng 76 - 77 nghìn tỷ đồng. Tốc độ tăng vốn đầu tư bình quân 18 - 19%/năm, chiếm bình quân 33 - 34% GDP.

(7) *Quy mô dân số* đến 2015 khoảng 1,85 triệu người (trong đó có 35% dân số thuộc khu vực thành thị), với khoảng 1 triệu lao động. Giảm tốc độ tăng dân số tự nhiên vào năm 2015 xuống còn 1,2-1,22%; mức giảm tỷ suất sinh 0,5-0,7 ‰.

(8) *Giải quyết việc làm* cho 13 vạn lao động; giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị xuống dưới 3%; giảm tỷ lệ thiếu việc làm ở khu vực nông thôn xuống còn 5%; giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới bình quân 3%/năm; đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2015 đạt 50%, trong đó qua đào tạo nghề 40%.

(9) *Giáo dục*: Nâng tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo lên trên 75%, học sinh tiểu học đi học đúng độ tuổi trên 98%; 100% thôn buôn có điểm trường hoặc lớp mẫu giáo; 75% số phòng học được kiên cố hóa; nâng tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia lên: 25% đối với trường mầm non, 55% trường tiểu học, 25% trường trung học cơ sở và 25% đối với trường trung học phổ thông. 100% các xã, phường, thị trấn đạt

chuẩn phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi. 75% số trường học có phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm thực hành theo tiêu chuẩn quy định.

(10) *Y tế*: Đến năm 2015 có 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, 100% trạm y tế xã có bác sỹ. Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn 24%.

(11) *Văn hóa-thể thao*: Phần đầu đến năm 2015 có trên 80% hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa các cấp; 65% thôn, buôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa; 100% cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa; 100% thôn, buôn được quy hoạch đất để xây dựng hội trường, điểm sinh hoạt văn hóa-thể thao; 100% số huyện, thị xã trong tỉnh có Thư viện theo đúng tiêu chuẩn quy định của Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch; 100% số Nhà sinh hoạt cộng đồng được trang bị phương tiện hoạt động văn hoá. Phủ sóng phát thanh và truyền hình địa phương trên toàn tỉnh.

(12) *Xã đạt chuẩn nông thôn mới* đạt 20%.

(13) *Nước sinh hoạt*: Nước sạch đảm bảo các tiêu chuẩn cung cấp cho 90% dân cư đô thị; 85% dân cư nông thôn được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

(14) *An ninh quốc phòng*: Xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc; giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Tuyển quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, chủ động nắm chắc tình hình và xử lý tốt các tình huống, không để bị động, bất ngờ.

III. Các giải pháp trọng tâm:

1. Huy động các nguồn lực cho phát triển:

- Thực hiện có hiệu quả chủ trương ngoại giao kinh tế, tranh thủ mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Tạo môi trường thông thoáng, ổn định, bảo đảm sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế để mọi tổ chức, cá nhân yên tâm đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Loại bỏ cơ chế xin cho trong việc hỗ trợ ngân sách nhà nước, giao đất, cho thuê đất, giải quyết thủ tục kinh doanh. Khắc phục các tình trạng không minh bạch, thiếu đồng bộ, nhất quán trong quản lý, đầu tư và giải quyết thủ tục hành chính. Duy trì việc gặp mặt, tọa đàm, hội thảo xúc tiến đầu tư để giải quyết các vướng mắc, tạo mọi điều kiện cho các nhà đầu tư phát triển sản xuất.

- Tiếp tục mở rộng chương trình hợp tác với thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời phối hợp với các tỉnh trong vùng Tây Nguyên, duyên hải miền Trung trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh, tạo ra các liên kết vùng trong thu hút các nguồn vốn đầu tư và nâng cao khả năng khai thác các tiềm năng hiện có cho phát triển kinh tế - xã hội. Lựa chọn lĩnh vực và địa bàn để đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI).

- Phối hợp tốt với các Bộ, ngành Trung ương và chủ động bám sát các nhà tài trợ lớn như DANIDA, GTZ, JICA, WB, ADB, KOICA ... để tranh thủ các nguồn vốn ODA, trong đó chú trọng vận động tài trợ các dự án trọng điểm như Quy hoạch mở rộng và xây dựng hạ tầng thành phố Buôn Ma Thuột, đường từ cửa khẩu Đăk Ruê

đến Cảng Vũng Rô (QL 29), ... và các dự án đã phê duyệt trong chương trình vận động ODA giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định số 468/QĐ-UBND, ngày 11/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thực hiện tốt việc thu hút, tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả các nguồn NGO; tăng cường xúc tiến, kêu gọi vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào các ngành - lĩnh vực, địa bàn cho phép, tập trung vào các lĩnh vực có lợi thế của tỉnh.

2. Phát triển thương mại - dịch vụ:

a. Thương mại:

- Xây dựng thị trường mở, hòa nhập với thị trường trong nước nhất là thị trường khu vực Tây Nguyên và thị trường các khu vực Đông Nam bộ, duyên hải miền Trung. Đa dạng hóa các hoạt động thương mại, tăng các dịch vụ môi giới thương mại, các loại hình kinh doanh, gắn sản xuất với tiêu thụ, gắn thành thị với nông thôn, đặc biệt các vùng sâu, vùng xa, đưa hàng đến tận tay người tiêu dùng.

- Vận dụng tốt các chính sách của nhà nước đầu tư các chợ đầu mối, chợ vùng khó khăn, đồng thời thu hút, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại theo quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3292/QĐ-UBND, ngày 03 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Mở rộng các loại hình thương mại văn minh như hệ thống bán hàng qua internet, hệ thống các siêu thị, cửa hàng bán buôn; mở rộng hình thức bán lẻ phù hợp như: Bán trả chậm, trả góp, cung cấp vật tư hàng hoá và thu mua sản phẩm, đặc biệt ở nông thôn và vùng sâu, vùng xa. Tổ chức nhiều hội chợ giới thiệu sản phẩm và tham gia các hội chợ quốc tế và quốc gia. Tổ chức các trạm thu mua nông sản trên các địa bàn huyện, mở các đại lý, các hợp tác xã thương mại ở các vùng nông thôn trong tỉnh, chú ý phát triển các chợ nông thôn liên xã có tính chất khu vực ở các địa bàn huyện.

b. Dịch vụ du lịch:

- Khuyến khích và tạo điều kiện hơn nữa cho phát triển các ngành dịch vụ, tập trung vào các ngành có tiềm năng để phát huy ưu thế và khả năng cạnh tranh như du lịch, hàng không, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, vận tải, Bưu chính viễn thông ... để từng bước trở thành trung tâm dịch vụ lớn của vùng Tây Nguyên và cả nước. Mở rộng các loại hình dịch vụ để đảm bảo các nhu cầu phát triển kinh tế, song song với việc chú trọng các dịch vụ xã hội thiết yếu, thương mại nông thôn, ... để góp phần đảm bảo an sinh xã hội

- Thu hút các doanh nghiệp kinh doanh du lịch có thương hiệu trong nước đầu tư các điểm du lịch theo quy hoạch. Phát triển du lịch toàn diện, trọng tâm là du lịch sinh thái, lịch sử, văn hóa dựa trên cơ sở khôi phục và phát huy các cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, truyền thống và bản sắc văn hóa các dân tộc, từng bước đưa tỉnh trở thành một trong những trọng điểm phát triển du lịch quốc gia và quốc tế. Đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, trong đó, cùng với việc đầu tư cơ sở hạ tầng cần đặc biệt chú trọng đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng lao động du lịch,

tạo ra những sản phẩm du lịch đặc sắc của mỗi cơ sở, mỗi địa phương, tránh trùng lặp giữa các cơ sở du lịch, nhằm tăng sức cạnh tranh của mỗi loại sản phẩm, đồng thời phải giảm tối đa chi phí cho khách để thu hút khách du lịch đến địa phương.

- Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, khai thác gắn với tôn tạo và bảo tồn thiên nhiên, duy trì và phát triển tài nguyên du lịch, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, tiến tới phát triển du lịch quốc tế trong tương lai.

- Hỗ trợ hoạt động thông tin và xúc tiến quảng bá du lịch, để tạo cơ hội hoà nhập vào thị trường trong nước và quốc tế. Mở rộng quan hệ với các văn phòng đại diện du lịch trong nước để xây dựng các Tuor đưa khách du lịch đến Đắk Lắk. Hợp tác khai thác du lịch trong khuôn khổ chương trình hợp tác tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia.

c. Dịch vụ cung cấp các nguồn lực công nghệ, lao động, tài chính, ngân hàng:

- Tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia và cạnh tranh bình đẳng trên thị trường: Thị trường bất động sản, thị trường tài chính tiền tệ và dịch vụ tài chính, thị trường lao động, thị trường khoa học công nghệ, ... Tạo điều kiện để thị trường tài chính và thị trường dịch vụ tài chính hoạt động phù hợp với điều kiện của địa phương và quy định của pháp luật.

- Tạo điều kiện thuận lợi để Chi nhánh các ngân hàng hoạt động trên địa bàn đẩy mạnh việc hiện đại hóa theo hệ thống ngân hàng nhằm đáp ứng yêu cầu thanh toán nội địa và thanh toán quốc tế. Tăng cường các tiện ích ngân hàng nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế, kể cả cá nhân người tiêu dùng sử dụng dịch vụ thanh toán qua ngân hàng, hạn chế việc sử dụng tiền mặt trong quan hệ thương mại, tạo điều kiện thu hút kiều hối lành mạnh. Nâng cao khả năng huy động vốn của các ngân hàng thương mại, đặc biệt là các nguồn vốn trung và dài hạn, đồng thời đơn giản hóa các quy trình, thủ tục nhằm tiếp tục mở rộng các hoạt động cấp tín dụng theo hướng an toàn, hiệu quả, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vốn cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Tiếp tục thực hiện các chính sách đa dạng hóa hoạt động của các ngân hàng thương mại theo hướng tiếp cận dịch vụ tài chính mới, đáp ứng các nhu cầu đa dạng của khách hàng.

d. Dịch vụ vận tải:

- Phát triển vận tải công cộng, nhất là ô tô buýt, đáp ứng tốt yêu cầu đi lại của nhân dân; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển vận tải.

- Khuyến khích mọi khả năng của các thành phần kinh tế trong giao lưu hàng hóa, bảo đảm sự bình đẳng và cạnh tranh hợp pháp của các thành phần kinh tế. Có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển các cơ sở dịch vụ công cộng.

e. Bưu chính viễn thông:

- Tiếp tục thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển Bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin tỉnh Đắk Lắk, định hướng đến năm 2020, đảm bảo hiện đại hóa Bưu chính viễn thông ngang tầm với mức trung bình cả nước.

- Phát triển mạnh dịch vụ Bưu chính viễn thông để hỗ trợ cho việc phát triển

kinh tế, xã hội, nâng cao dân trí, góp phần nâng cao mức sống của các vùng và các tầng lớp dân cư. Đầu tư cơ sở hạ tầng để phát triển dịch vụ Bưu chính viễn thông, nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo sự cạnh tranh lành mạnh. Đưa vào khai thác các dịch vụ mới nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc trong nước và quốc tế.

3. Phát triển công nghiệp:

- Khuyến khích chế biến sâu, tinh chế và ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế, tạo ra giá trị gia tăng cao như thủy điện vừa và nhỏ, khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông - lâm sản ... đồng thời phát triển công nghiệp nhẹ: Dệt, may, da, nước giải khát, công nghiệp hóa chất, cao su, phân bón, chế biến thức ăn gia súc; công nghiệp cơ khí; công nghiệp sản xuất, cung cấp điện nước.

- Tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành đưa vào sử dụng các dự án thủy điện trên địa bàn. Đánh giá kết quả đầu tư giai đoạn 2005 - 2010, đồng thời rà soát những dự án thủy điện vừa và nhỏ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch tại Quyết định số 444/QĐ-UBND, ngày 15 tháng 3 năm 2005 để loại bỏ các nhà đầu tư xây dựng các nhà máy không còn phù hợp.

- Tập trung đầu tư xây dựng hoàn thành cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phú và các cụm công nghiệp trọng điểm bao gồm: Cụm công nghiệp Ea Đar, Buôn Hồ, Tân An 1-2, Trường Thành, Cư Kuin và các cụm công nghiệp thuộc huyện được phê duyệt v.v...; đẩy mạnh thu hút đầu tư để tăng tỷ lệ lấp đầy trong các khu, cụm công nghiệp, ưu tiên các dự án có suất đầu tư trên một đơn vị diện tích lớn, hạn chế việc đầu tư các kho hàng, bến bãi trong khu, cụm công nghiệp; đồng thời nghiên cứu triển khai mới một số cụm công nghiệp theo quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đã phê duyệt tại Quyết định số 2539/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Kiên quyết không mở mới các cụm công nghiệp ngoài quy hoạch; có chính sách hỗ trợ, khuyến khích các nhà đầu tư di dời và mở mới các nhà máy vào các khu, cụm, điểm công nghiệp.

- Đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị công nghệ tiên tiến và tiến tới hiện đại hoá từng phần trong các ngành sản xuất công nghiệp, để sản xuất các mặt hàng đạt tiêu chuẩn ISO 9000, ISO 14000, nâng cao chất lượng bảo đảm sản phẩm công nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Thực hiện tốt chính sách khuyến khích đầu tư khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển công nghiệp phù hợp với quy hoạch. Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp để giải quyết lao động nông thôn. Tổ chức đào tạo và có chính sách thích hợp để thu hút lực lượng lao động có trình độ quản lý, kỹ sư, công nhân kỹ thuật lành nghề, thực hiện theo phương châm liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp sử dụng lao động để đào tạo nghề cho lao động. Tiếp tục nâng cao uy tín, tạo dựng thương hiệu của sản phẩm trên thị trường.

- Quy hoạch và tạo điều kiện hình thành các làng nghề, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn Trung ương hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng làng nghề, sớm xây dựng một số làng nghề truyền thống gắn với phát triển điểm du lịch. Quy hoạch khai thác sử dụng tài nguyên rừng và khoáng sản một cách hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh gắn với bảo vệ môi trường sinh thái bền vững.

4. Nông nghiệp - Nông thôn:

a. Trồng trọt:

- Chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, thay thế dần các giống cũ bằng giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt, đi đôi với áp dụng tiến bộ khoa học trong kỹ thuật lai, ghép, thâm canh và công nghệ sinh học để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Quy hoạch và phát triển vùng sản xuất các cây công nghiệp dài ngày; gắn với việc hỗ trợ khuyến khích nông dân dồn điền, đổi thửa; chuyển đổi cây trồng theo vùng quy hoạch, hình thành các vùng sản xuất cây công nghiệp tập trung.

- Tăng cường công tác khuyến nông, chuyển giao khoa học công nghệ trong việc thâm canh nâng cao năng suất, chất lượng cà phê trong quá trình sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến. Đầu tư nâng cao năng lực hoạt động khoa học công nghệ, đặc biệt là đầu tư nghiên cứu công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch.

- Kết hợp chặt chẽ với Trường Đại học Tây Nguyên, Viện Khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp Tây Nguyên, các đơn vị khoa học và các nhà sản xuất cà phê nghiên cứu, sản xuất giống mới đáp ứng cho nhu cầu sản xuất của nông dân, đặc biệt là hướng dẫn giải pháp tốt để tái canh vườn cà phê già cỗi, đảm bảo phát triển bền vững cây cà phê của tỉnh. Có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm cà phê sử dụng chỉ dẫn địa lý và xây dựng thương hiệu “Cà Phê Buôn Ma Thuật”.

- Tiếp tục mở rộng mô hình sản xuất lúa giống F1 thương phẩm để đem lại thu nhập cao cho nông dân. Chọn một số vùng sản xuất lúa có sản lượng lớn để sản xuất lúa hàng hóa.

b. Chăn nuôi:

- Quy hoạch và phát triển các vùng sản xuất các giống vật nuôi, giống thủy sản; vùng chăn nuôi tập trung; khuyến khích phát triển mô hình chăn nuôi công nghiệp; chăn nuôi đại gia súc theo mô hình bán chăn thả, tạo ra vùng sản xuất sản phẩm chăn nuôi tập trung.

- Tiếp tục tận dụng các lợi thế về nguồn phụ phẩm nông nghiệp, điều kiện đồng cỏ, mặt nước tự nhiên và thủy lợi, thủy điện để phát triển chăn nuôi bò, dê, cá nước ngọt, ... theo mô hình trang trại và chăn nuôi hộ gia đình.

- Tăng cường nghiên cứu nhân rộng các mô hình chăn nuôi các giống mới có hiệu quả kinh tế cao, có thị trường ổn định như nuôi cá Hồi, heo rừng lai F1...

- Chú trọng công tác phòng chống dịch bệnh, kiểm dịch động vật, kịp thời phát hiện và xử lý có hiệu quả khi có dịch bệnh xảy ra.

c. Lâm nghiệp:

- Tập trung bảo vệ tốt diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng hiện có, đồng thời thực hiện các biện pháp lâm sinh hợp lý (khoanh nuôi tái sinh, trồng mới, v.v...) để phục hồi các diện tích đất quy hoạch rừng phòng hộ. Đảm bảo đến năm 2015, toàn bộ diện tích rừng đều có chủ. Từng bước thí điểm và triển khai ra diện rộng việc cấp chứng chỉ rừng, đảm bảo kinh doanh rừng bền vững.

- Tăng cường công tác trồng rừng, trồng cây phân tán trong đô thị, hành lang an toàn giao thông, cây xanh trong khuôn viên công sở, trường học, bệnh viện, ... đồng thời làm tốt công tác tuyên truyền đi đôi với kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật về quản lý bảo vệ rừng để từng bước nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, duy trì cân bằng sinh thái.

- Quy hoạch phát triển ngành chế biến nông lâm sản trên địa bàn phù hợp yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo môi trường sinh thái. Phát triển công nghiệp rừng theo hướng sử dụng công nghệ hiện đại, nguyên liệu rừng trồng, nguyên liệu nhập khẩu.

d. Phát triển nông thôn:

- Triển khai thực hiện đề án phát triển kinh tế - xã hội 03 huyện nghèo, 02 huyện biên giới và phát triển kinh tế thôn, buôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ.

- Tập trung lãnh đạo để thực hiện có hiệu quả Quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2009-2015 và định hướng đến năm 2020 ban hành theo Quyết định số 3043/QĐ-UBND, ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Quy hoạch sắp xếp lại các khu dân cư tập trung ở nông thôn, triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới, hình thành các thị trấn, thị tứ, các trung tâm cụm xã, tạo thuận lợi cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng, chuyển đổi cơ cấu lao động và ổn định trật tự xã hội ở nông thôn. Triển khai có hiệu quả chủ trương xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 800/2010/QĐ-TTg, ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Tăng cường công tác quy hoạch, kế hoạch; phát triển không gian kinh tế và hệ thống đô thị, hạ tầng kinh tế xã hội:

- Tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết khu trung tâm hành chính, khu dân cư, các khu chức năng khác của các thị trấn, huyện lỵ; tập trung xây dựng hoàn thiện các cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng của các thị trấn, huyện lỵ.

- Nâng dần tỷ lệ quy hoạch chi tiết đô thị và công khai quy hoạch để làm cơ sở đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường quản lý đầu tư xây dựng, nâng cao hiệu quả các nguồn lực đầu tư nhằm sớm thay đổi diện mạo các trung tâm kinh tế - văn hóa - xã hội trong tỉnh và đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, song phải hướng tới mục tiêu bền vững giữa tự nhiên, con người và xã hội, kế thừa đặc trưng truyền thống văn hóa Tây Nguyên.

- Gắn kết hệ thống kết cấu hạ tầng quan trọng với các hành lang, các tiểu vùng kinh tế để phát huy các tiềm năng, mở rộng không gian kinh tế trên các khu vực của tỉnh. Phấn đấu đến năm 2015, cải tạo, nâng cấp nhựa hoặc bê tông hoá 100% đường tỉnh lộ, 80% đường huyện; 50% đường xã, liên xã. 100% xã có đường nhựa đến trung tâm.

- Phấn đấu xây dựng, phát triển thành phố Buôn Ma Thuột thành đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên, có tác dụng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội toàn vùng. Hình thành một số đô thị mới trên cơ sở nâng cấp các thị trấn thành thị xã, đó là các

thị xã Ea Kar, Phước An và Buôn Tráp. Ngoài ra sẽ hình thành thêm một số thị trấn và thị tứ với chức năng là những trung tâm của từng tiểu vùng của tỉnh.

6. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ môi trường, khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên:

- Xây dựng mạng lưới quan trắc bảo đảm thống nhất, đồng bộ, tiên tiến và từng bước hiện đại đáp ứng nhu cầu về thu thập, cập nhật thông tin môi trường. Đảm bảo cung cấp số liệu điều tra cơ bản về môi trường, tài nguyên nước phục vụ có hiệu quả cho công tác xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường, dự báo, cảnh báo, phòng, tránh, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra và phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường, trong đó chú trọng quản lý khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn.

- Xây dựng chiến lược truyền thông nhằm tuyên truyền vận động nhân dân có ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Giải quyết tình trạng suy thoái môi trường do rừng ngày một suy giảm, trồng rừng tập trung, phát triển hệ thống cây xanh ở các đô thị, nhằm cải thiện môi trường và đảm bảo cân bằng sinh thái nguồn nước, hạn chế thiệt hại do nguy cơ thiên tai hạn hán và lũ lụt diễn biến phức tạp hàng năm.

7. Khoa học và công nghệ:

- Phát triển khoa học và công nghệ trên cơ sở phát huy tiềm lực khoa học công nghệ hiện có, đồng thời tranh thủ các nguồn lực khoa học từ bên ngoài. Tập trung lựa chọn công nghệ thích hợp phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trên cơ sở kết hợp công nghệ hiện đại với công nghệ truyền thống; tạo sự gắn kết giữa khoa học tự nhiên với khoa học xã hội và nhân văn để tìm ra những giải pháp tối ưu trong khai thác các lợi thế so sánh của địa phương.

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ trong các ngành kinh tế trọng yếu, có chính sách ưu đãi hợp lý để thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật về công tác lâu dài tại tỉnh. Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ, ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin và truyền thông trong các ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm của địa phương.

- Ưu tiên đầu tư nghiên cứu tuyển chọn, nhập nội, sản xuất các giống cây, con có năng suất, chất lượng cao. Nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi các thành tựu công nghệ sinh học trong, ngoài nước nhằm tạo ra sản phẩm tốt phục vụ sản xuất nông - lâm - nghiệp và công nghiệp chế biến thực phẩm.

- Nghiên cứu áp dụng các giải pháp khoa học, công nghệ nhằm khai thác hợp lý, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng dụng những công nghệ mới trong kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường.

8. Giáo dục và Đào tạo:

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo: Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học; hình thành hệ thống giáo dục toàn diện thống nhất từ giáo dục mầm non đến hệ trung học phổ

thông, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, Đại học và Cao đẳng phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp và xây dựng mới các cơ sở dạy nghề công lập đi đôi với việc khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp mở cơ sở dạy nghề để đẩy mạnh xã hội hóa công tác này. Tập trung đào tạo nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong đó đặc biệt chú trọng nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật trình độ sau đại học, cán bộ quản lý giỏi và công nhân kỹ thuật lành nghề, mở rộng công tác dạy nghề, ưu tiên dạy nghề cho lao động nông thôn, nhất là đối tượng thanh niên.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi đối với các cán bộ giáo viên công tác vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Trợ cấp thường xuyên cho sinh viên người đồng bào dân tộc thiểu số học đại học ở ngoài tỉnh. Thực hiện xã hội hóa giáo dục, khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các trường ngoài công lập, đặc biệt quan tâm phát triển các trường tư thục. Nghiên cứu, bổ sung các cơ chế chính sách để kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh đầu tư vào giáo dục.

- Xây dựng chiến lược về phát triển giáo dục đối với đồng bào dân tộc thiểu số để nâng cao dân trí, tạo ra đội ngũ lao động nắm bắt được khoa học kỹ thuật và quản lý ở địa bàn cơ sở, đặc biệt chú trọng tới lực lượng lao động trẻ người dân tộc thiểu số làm đầu tàu đi đầu trong việc ứng dụng khoa học kỹ thuật làm kinh tế, phát triển sản xuất, kinh doanh, làm giàu.

9. Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân:

- Đầu tư cơ sở vật chất hiện đại để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân trên tất cả các tuyến, sớm triển khai xây dựng và hoàn thành Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên; hình thành một số bệnh viện chuyên khoa cấp tỉnh như: Phụ - sản, nhi, điều dưỡng - phục hồi chức năng, ung bướu ... Tăng cường quản lý nhà nước về hoạt động của các cơ sở y, dược tư nhân. Khuyến khích xã hội hóa y tế, xây dựng các bệnh viện tư, các cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao.

- Tiếp tục phát triển và nâng cao năng lực của các cơ sở y tế dự phòng tuyến Trung ương, tuyến tỉnh và huyện để làm tốt nhiệm vụ nghiên cứu, dự báo, giám sát, phát hiện và khống chế các bệnh dịch, đặc biệt các bệnh dịch nguy hiểm và bệnh dịch mới phát sinh. Đề nghị Bộ Y tế đầu tư nâng cấp phòng xét nghiệm an toàn sinh học đạt tiêu chuẩn Quốc tế cấp 3 tại Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên; Trung tâm y tế dự phòng tỉnh có phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp 2; đầu tư xây dựng Trung tâm y tế dự phòng cấp huyện có đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ: giám sát dịch tễ, vệ sinh phòng, chống dịch, kiểm soát và phòng, chống HIV/AIDS, truyền thông giáo dục sức khỏe, chăm sóc sức khỏe sinh sản và xây dựng làng văn hoá sức khỏe.

10. Văn hóa và Thể thao:

- Đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá. Xây dựng cơ quan, gia đình, thôn buôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hoá. Xây dựng làng văn hoá các dân tộc; bảo tồn và phát huy các giá trị tốt đẹp về truyền thống văn hóa, đặc biệt là sử thi và “Không Gian Văn Hoá Công Chiêng” Tây Nguyên.

- Động viên, khuyến khích việc tổ chức các Lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số với phương châm “Nhà nước hỗ trợ một phần, nhân dân tự tổ chức”, nhằm phát huy bản sắc văn hóa dân tộc gắn với yêu cầu phát triển du lịch văn hóa.

- Tập trung bảo tồn di tích cách mạng, di tích lịch sử, di tích văn hóa. Thí điểm về bảo tồn các buôn, làng cổ tiêu biểu của các dân tộc và tiếp tục việc khảo sát, điều tra, sưu tầm, lưu trữ, bảo quản các giá trị văn hóa phi vật thể tiêu biểu của các dân tộc. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển các hoạt động văn hóa, thông tin.

- Phát triển các hoạt động thể dục - thể thao cả về quy mô và chất lượng; khuyến khích và tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia hoạt động và phát triển sự nghiệp thể dục thể thao. Phát triển mạnh mẽ thể thao quần chúng. Từng bước chuyên nghiệp hoá thể thao thành tích cao, các thiết chế đào tạo vận động viên trẻ phục vụ thể thao thành tích cao theo tiêu chuẩn quốc gia.

11. Lao động, việc làm và thực hiện các chính sách xã hội:

- Tập trung chỉ đạo, điều hành, ban hành chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển kinh tế, trong đó chú trọng phát triển các ngành công nghiệp chế biến, du lịch sinh thái và các ngành có sử dụng nhiều lao động. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân thành lập doanh nghiệp, đầu tư mở rộng sản xuất để thu hút lao động (nhất là lao động người dân tộc thiểu số) tham gia làm việc.

- Tìm kiếm thị trường mới đi đôi với việc tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi về cho vay vốn, hỗ trợ học phí giáo dục định hướng ... cho người lao động khi tham gia xuất khẩu lao động. Tăng cường các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho người lao động; tiếp tục đầu tư và đưa vào hoạt động Sàn giao dịch việc làm, xây dựng cơ sở dữ liệu về lao động, ... để quản lý lao động tốt hơn.

- Thực hiện tốt các chính sách ưu đãi và chính sách xã hội, chăm sóc người có công, gia đình thương binh, liệt sỹ thông qua các chương trình xây dựng “Quỹ đền ơn đáp nghĩa”; “Quỹ vì người nghèo” nhằm nâng mức sống của các đối tượng chính sách ngang bằng hoặc cao hơn mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

- Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm; khuyến khích cán bộ kỹ thuật về công tác ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, hình thành mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm hướng dẫn và vận động nông dân áp dụng khoa học kỹ thuật, cải thiện phương pháp canh tác.

- Quan tâm đào tạo và bố trí sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số. Tổ chức tốt việc giáo dục và nuôi dưỡng học sinh dân tộc thiểu số tại các trường nội trú, trường dạy nghề. Đồng thời, huy động sự giúp đỡ của cộng đồng đối với đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ bằng nhiều hình thức thích hợp để có được những điều kiện sống thiết yếu, nâng dần mức hưởng thụ văn hoá tinh thần và vật chất cho đồng bào ở các vùng khó khăn, vùng căn cứ cách mạng.

12. Quản lý nhà nước và cải cách hành chính:

- Đẩy mạnh đồng bộ cải cách hành chính Nhà nước, đơn giản hoá các thủ tục hành chính và thực hiện tốt cơ chế “một cửa” và “một cửa liên thông”, đẩy mạnh việc phân cấp quản lý để nâng cao tính chủ động, sáng tạo và tự chịu trách nhiệm của từng

ngành, từng cấp; đề cao trách nhiệm cá nhân, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước. Thực hiện tốt công tác dân vận chính quyền. Kiên quyết đưa ra khỏi bộ máy công quyền những cán bộ, công chức thoái hoá, biến chất; thay thế kịp thời những người không đáp ứng được công việc. Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức thạo việc, có năng lực, chí công, vô tư; xây dựng các chính sách thu hút nhân tài.

- Hình thành cơ chế điều hành, phối hợp giữa các ngành, các cấp, củng cố, hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước; tăng cường phân cấp cho cấp dưới để nêu cao trách nhiệm và tính chủ động sáng tạo. Kiện toàn bộ máy chính quyền cơ sở xã, phường, thị trấn trong sạch, vững mạnh; phát huy vai trò giám sát của nhân dân, thực hiện có hiệu quả quy chế dân chủ ở cơ sở, mở rộng các hình thức dân chủ trực tiếp.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực và phẩm chất đạo đức, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thạo việc, có năng lực, chí công, vô tư, nhất là đối với những lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, tài chính, quản lý đất đai ... Củng cố và bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cho các thành viên Ủy ban nhân dân cấp cơ sở.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng sâu rộng đến mọi đối tượng, tầng lớp nhân dân. Làm tốt công tác luân chuyển cán bộ để phòng ngừa, phát hiện tham nhũng; bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan đơn vị, đề cao trách nhiệm của những người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng. Nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng.

13. An ninh quốc phòng và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội:

- Tập trung quy hoạch và quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất quốc phòng. Các quy hoạch, kế hoạch, đề án phát triển kinh tế xã hội phải gắn với nhiệm vụ đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc, ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Xây dựng lực lượng vũ trang đảm bảo số lượng, có chất lượng toàn diện. Không để xảy ra biểu tình, bạo loạn, vượt biên, xâm nhập trái phép.

- Đẩy mạnh công tác phát động quần chúng, tuyên truyền giáo dục nhân dân nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng. Chủ động phòng ngừa và ngăn chặn, giải quyết kịp thời những vấn đề liên quan đến an ninh trật tự.

- Nâng cao vai trò của mặt trận và các đoàn thể nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; phát động sâu rộng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng thực lực chính trị cơ sở, cốt cán ở thôn, buôn vững mạnh toàn diện.

- Nâng cao chất lượng điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật các loại tội phạm; giải quyết có hiệu quả các khiếu nại, tố cáo của nhân dân. Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp và các cơ quan nội chính trong sạch, vững mạnh để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình triển khai thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp Nghị quyết đã đề ra; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận nêu cao vai trò giám sát hoạt động của các cơ quan Nhà nước theo chức năng của mình, đồng thời tích cực động viên các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Hội đồng nhân dân tỉnh kêu gọi đồng bào các dân tộc, cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang trong tỉnh hãy nêu cao tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, tự lực tự cường góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng 5 năm 2011 - 2015.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa VII, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2010./.

CHỦ TỊCH

Niê Thuật